

Số: /2022/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004; số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014; số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên và Môi trường; số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11*

*năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương; số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính; số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về bản đồ địa chính; số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi nhiệm vụ, dự án trong hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 479/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng cho cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty nhà nước, các tổ chức và cá nhân liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc đo đạc bản đồ, quản lý đất đai thực hiện ở ngoài trời.

2. Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc đo đạc bản đồ, quản lý đất đai thực hiện trong nhà.

3. Phân loại khó khăn: là các yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến việc thực hiện bước công việc làm (nội dung này được quy định cụ thể từng loại khó khăn theo từng nội dung công việc tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

4. Mức lương cơ sở: là mức lương được Chính phủ quy định tại thời điểm Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang còn hiệu lực.

5. Các từ ngữ viết tắt:

- a) ĐVT: đơn vị tính;
- b) KK: khó khăn;
- c) LĐKT: lao động kỹ thuật;
- d) LĐPT: lao động phổ thông;
- đ) K. hao máy: khấu hao máy;
- e) Cộng CP trực tiếp: cộng chi phí trực tiếp;
- g) Đ/giá ngoại, nội nghiệp: đơn giá ngoại nghiệp, nội nghiệp;
- h) Đơn giá SP PCKV 0,1: đơn giá sản phẩm phụ cấp khu vực 1.

#### **Điều 4. Mức giá dịch vụ**

Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, cụ thể:

1. Đơn giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính:

a) Lưới địa chính (*chi tiết theo Phụ lục I đính kèm*).

b) Đo đạc thành lập bản đồ địa chính (*chi tiết theo các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII đính kèm*).

Đơn giá dịch vụ hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đê điều; đo vẽ địa hình cho bản đồ địa chính; đo phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đơn giá dịch vụ được tính như sau:

- Đơn giá dịch vụ hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đê điều thì định mức được tính bằng 30% của định mức quy định các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII;

- Đơn giá dịch vụ đối tượng thủy hệ được nhà nước giao quản lý không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì định mức được tính bằng 30% của định mức quy định tại Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII và chỉ tính đối với phần diện tích trong phạm vi 03 (ba) mét kể từ ranh giới chiếm đất của đối tượng trở vào bên trong đối tượng.

- Đơn giá dịch vụ trường hợp phải đo vẽ địa hình cho bản đồ địa chính, mức tính bằng 0,10 mức quy định tại Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII;

- Đơn giá dịch vụ trường hợp đo phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, khu công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện năng thì mức ngoại nghiệp được tính thêm 0,15 và nội nghiệp được tính thêm 0,10 mức quy định tại Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII đối với chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông.

c) Số hóa và chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính (*chi tiết theo các Phụ lục VIII, IX đính kèm*).

d) Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (*chi tiết theo các Phụ lục X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX, XXI, XXII, XXIII, XXIV, XXV, XXVI, XXVII đính kèm*); trường hợp khu vực có biến động hàng loạt và tập trung mà mức độ biến động trên 40% số thửa thì phân diện tích của các thửa đất cần chỉnh lý biến động tính mức như Đo đạc thành lập bản đồ địa chính.

đ) Trích đo địa chính thửa đất (*chi tiết theo Phụ lục XXVIII đính kèm*). Khi một đơn vị thực hiện trích đo nhiều thửa đất trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã, trong cùng 01 ngày thì mức trích đo thửa đất thứ 2 trở đi chỉ tính bằng 80% chi phí lao động kỹ thuật tại các phụ lục này. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra, thẩm định bản trích đo địa chính thì định mức được áp dụng bằng 0,25 chi phí lao động kỹ thuật tại các phụ lục này.

e) Đo đạc chỉnh lý bản trích đo địa chính hoặc chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính (*chi tiết theo các Phụ lục XXIX, XXX đính kèm*).

Khi một đơn vị thực hiện trích đo nhiều thửa đất trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã, trong cùng 01 ngày thì mức trích đo thửa đất thứ 2 trở đi chỉ tính bằng 80% chi phí lao động kỹ thuật tại các phụ lục này; trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra, thẩm định bản trích đo địa chính thì định mức được áp dụng bằng 0,25 chi phí Lao động kỹ thuật tại các phụ lục này.

f) Đo đạc tài sản gắn liền với đất (*chi tiết các Phụ lục XXXI, XXXII, XXXIII, XXXIV, XXXV, XXXVI đính kèm*).

Khi một đơn vị thực hiện trích đo nhiều thửa đất trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã, trong cùng 01 ngày thì mức trích đo thửa đất thứ 2 trở đi chỉ tính bằng 80% chi phí lao động kỹ thuật tại các phụ lục này. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra, thẩm định bản trích đo địa chính thì định mức được áp dụng bằng 0,25 chi phí Lao động kỹ thuật tại các phụ lục này.

2. Đơn giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (dưới đây gọi là đăng ký, cấp Giấy chứng nhận):

a) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở xã, thị trấn (*chi tiết theo Phụ lục XXXVII đính kèm*).

b) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở phường (*chi tiết theo Phụ lục XXXVIII đính kèm*).

c) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ từng hộ gia đình, cá nhân (*chi tiết theo Phụ lục XXXIX đính kèm*).

d) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tổ chức (*chi tiết theo Phụ lục XL đính kèm*).

đ) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đồng loạt tại xã, thị trấn (*chi tiết theo Phụ lục XLI đính kèm*).

e) Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đồng loạt tại phường (*chi tiết theo Phụ lục XLII đính kèm*).

f) Đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận riêng lẻ đối với hộ gia đình, cá nhân (*chi tiết theo Phụ lục XLIII đính kèm*).

g) Đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận riêng lẻ đối với tổ chức (*chi tiết theo Phụ lục XLIV đính kèm*).

h) Đăng ký biến động đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (*chi tiết theo Phụ lục XLV đính kèm*).

i) Đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức (*chi tiết theo Phụ lục XLVI đính kèm*).

k) Trích lục hồ sơ địa chính (*chi tiết theo Phụ lục XLVII đính kèm*).

## **Điều 5. Hướng dẫn sử dụng giá dịch vụ**

1. Trong bộ đơn giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo đạc trực tiếp các loại tỷ lệ:

a) Đơn giá sản phẩm đã chi tiết một số khâu công việc chính, cột “Đơn giá sản phẩm PCKV 0,1”: bao gồm chi phí trực tiếp (nhân công kỹ thuật) và chi phí chung, của vùng có phụ cấp khu vực 0,1. Trường hợp sản phẩm thi công ở vùng có phụ cấp khu vực là 0,2; 0,3; 0,4... 0,7 được điều chỉnh bằng cách lấy đơn giá cột này x (nhân) hệ số 2; 3; 4... 7 tương ứng.

b) Chi phí sử dụng máy là hao phí (khấu hao) về máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình thực hiện công tác đo đạc bản đồ và quản lý đất đai; được xác định trên cơ sở danh mục máy, số ca sử dụng máy theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và mức khấu hao một ca máy.

2. Trong bộ đơn giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: áp dụng các loại khó khăn theo quy định chi tiết tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các chi phí khác ngoài bộ đơn giá được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

a) Chi phí lập nhiệm vụ, dự án được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi phí kiểm tra nghiệm thu, thẩm định được tính theo từng loại công việc, bằng tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp và chi phí chung theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Chi phí nộp lưu trữ (nếu có): dự toán được xác định trên cơ sở khối lượng công việc cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành (bao gồm chi phí khác theo quy định nếu có như mua hòm, ống đựng tài liệu, đóng quyển, đĩa lưu giữ số

liệu, báo cáo, giao nộp mẫu vật lưu tại đơn vị và cơ quan nhà nước theo quy định).

d) Chi phí vận chuyển lao động và thiết bị từ trụ sở đơn vị thực hiện đến địa điểm tập kết công trình (vận chuyển ngoài vùng thực hiện nhiệm vụ, dự án): dự toán được tính theo khối lượng thực tế thực hiện và chế độ chi tiêu hiện hành.

đ) Dự toán chi phí ăn định lượng trên biển và chi phí mua nước ngọt khi làm việc ở vùng thiếu nước ngọt theo chế độ quy định của Nhà nước.

e) Chi phí bồi thường thiệt hại về tài sản, hoa màu trên đất (nếu có): căn cứ vào đơn giá bồi thường, hỗ trợ của địa phương và quy định hiện hành của Nhà nước.

f) Chi phí thuê tàu, thuyền (chỉ tính đối với nhiệm vụ, dự án thi công trên sông, biển và cho đơn vị không có tàu, thuyền): thời gian thuê tàu, thuyền căn cứ vào thời gian thi công trên sông, biển; đơn giá thuê tàu, thuyền theo giá địa phương có xác nhận của cơ quan tài chính hoặc của chính quyền sở tại, để xác định dự toán thuê tàu, thuyền.

g) Các khoản chi phí khác, gồm: thuê máy móc, thiết bị, phương tiện thi công (chỉ tính trong trường hợp đơn vị thực hiện không có đủ máy móc, thiết bị, phương tiện thi công theo danh mục quy định trong định mức kinh tế kỹ thuật; không tính thuê cho đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, doanh nghiệp thực hiện do đơn giá đã tính chi phí khấu hao tài sản cố định); chi làm đường tạm, sửa đường, làm nền khoan (chỉ tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền phải làm); mua tài liệu, số liệu; chuyên gia, công tác phí (nếu có) và một số khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, dự án (nếu có): dự toán tính theo khối lượng thực tế thực hiện và chế độ chi tiêu hiện hành.

h) Chi phí thuế giá trị gia tăng.

i) Chi phí quản lý chung

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên); doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án. Chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp. Đơn giá sản phẩm được áp dụng từ Phụ lục I đến Phụ lục XLVII kèm theo Quyết định này.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án. Đơn giá sản phẩm được tính đến chi phí trực tiếp áp dụng từ Phụ lục I đến Phụ lục XLVII kèm theo Quyết định này. Riêng chi phí quản lý chung được áp dụng như sau: đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 05 tỷ đồng được tính chi phí quản lý chung tối đa 20 triệu/năm/nhiệm vụ, dự án. Trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn hơn 05 tỷ đồng thì cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,24% của phần tăng thêm.

- Nội dung chi: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Mức chi: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi nhiệm vụ, dự án trong hoạt động kinh tế đối với nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Bộ đơn giá được điều chỉnh, bổ sung, thay đổi trong các trường hợp:

a) Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường có thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc bản đồ; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính có sự thay đổi về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc lập bản đồ và quản lý đất đai.

b) Khi giá cả vật tư, thiết bị, công cụ, dụng cụ trên thị trường thay đổi làm cho đơn giá về vật tư, điện năng, khấu hao máy trong bộ đơn giá thay đổi trên 20%.

c) Giá dịch vụ được xây dựng theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Trường hợp mức lương cơ sở thay đổi theo quy định của Chính phủ thì chi phí lao động kỹ thuật trong đơn giá được điều chỉnh theo chi phí lao động kỹ thuật điều chỉnh; chi phí lao động kỹ thuật được tính điều chỉnh như sau: Chi phí lao động kỹ thuật điều chỉnh = Chi phí nhân công lao động kỹ thuật đã tính trong đơn giá x K (trong đó: K= Mức lương cơ sở mới/1.490.000 đồng).

5. Các trường hợp chi tiết khác được áp dụng theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 6. Quản lý, sử dụng nguồn thu và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan**

1. Quản lý, sử dụng nguồn thu

a) Công tác quản lý:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng đo đạc lập bản đồ địa chính, cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tổ chức thu và quản lý nguồn thu theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện việc thông báo, niêm yết, công khai mức giá dịch vụ tại trụ sở, cơ quan, đơn vị mình.

b) Sử dụng nguồn thu: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng đo đạc lập bản đồ địa chính, cung ứng dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sử dụng số tiền thu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Bộ đơn giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; phối

hợp với các ngành có liên quan theo dõi, kịp thời tham mưu UBND điều chỉnh, bổ sung khi có biến động về đơn giá.

b) Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan về chứng từ thu, nghĩa vụ thuế đối với nguồn thu này.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 09/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc quy định giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; số 38/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018.

**Điều 8.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ TC, Bộ TN&MT (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VPTU, VP HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH QNam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Trí Thanh**